

TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ B

Thứ năm, ngày 12 tháng 5 năm 2022

Họ và tên:

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

Lớp: 1A.....

MÔN TOÁN - LỚP 1**Năm học 2021 - 2022**

(Thời gian làm bài: 40 phút)

Điểm	Nhận xét của giáo viên
○

1. Viết vào chỗ chấm.

a. Đọc số:

15:

55:

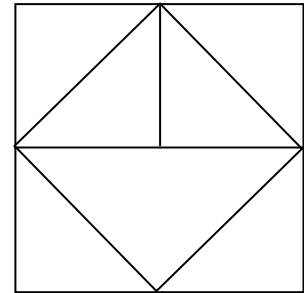
b. Viết số:

Ba mươi lăm:

Một trăm:

2. Đánh dấu (x) vào số hình tam giác có trong hình dưới đây.

- 7 hình tam giác
 8 hình tam giác
 9 hình tam giác

**3. Đặt tính rồi tính.**

$42 + 36$

$67 + 2$

$85 - 32$

$89 - 8$

4. Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống.

$78 > 52 + 25$

$20 + 37 = 67$

$43 + 20 < 78 - 18$

$56 + 30 < 84 - 20 + 30$

5. Bố của Nam đi công tác 1 tuần và 3 ngày. Vậy bố Nam đi công tác bao nhiêu ngày?

Trả lời: Bố của Nam đi công tác..... ngày.

6. Điền số thích hợp vào ô trống.

a) $80 - 20 = \square$

b) $\square \text{ cm} + 20 \text{ cm} = 60 \text{ cm}$

c) $80 \text{ cm} - \square \text{ cm} = 60 \text{ cm}$

d) $30 \text{ cm} + \square \text{ cm} = 70 \text{ cm}$

7. Viết thời gian đồng hồ chỉ vào chỗ chấm.



.....



.....

8. Sợi dây vải dài 80 cm, chị cắt lấy một đoạn dài 50 cm để buộc hộp quà tặng. Hỏi đoạn dây vải còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Phép tính:

--	--	--	--	--

Trả lời: Đoạn dây vải còn lại dài là..... xăng-ti-mét.

9. a. Sắp xếp các số 15; 60; 86; 30; 21 theo thứ tự lớn dần:

.....;;;;

b. Viết 4 số tròn chục lớn hơn 30 và nhỏ hơn 90:

.....;;;

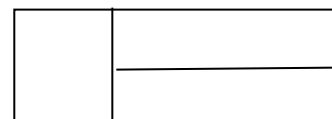
10. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a. Lớp 1A1 có 14 học sinh nữ, 20 học sinh nam. Lớp 1A2 có 16 học sinh nữ, 20 học sinh nam.

- Số học sinh lớp 1A... nhiều hơn số học sinh lớp 1A...

- Số học sinh nữ lớp 1A1 ít hơn số học sinh nữ lớp 1A2 là học sinh.

b. Hình bên có hình chữ nhật.



GV coi thi
(Kí và ghi rõ họ tên)

GV chấm lần 1
(Kí và ghi rõ họ tên)

GV chấm lần 2
(Kí và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ B

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN 1 CUỐI HỌC KÌ II

Năm học 2021 – 2022

1. (1 điểm)

- Đọc đúng số mỗi số được 0,25 điểm.
- Viết đúng số mỗi số được 0,25 điểm.

2. (0.5 điểm)

- Tích vào ý 2 được 0,5 điểm.

3. (2 điểm)

- Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm.

4. (1 điểm)

- Mỗi phép tính điền được đúng, sai được 0,25 điểm.
- Sai phép tính nào, trừ điểm phép tính đó.

5. (0.5 điểm)

- Điền đúng số 10 vào số chấm được 0.5 điểm

6. (1 điểm)

- Điền mỗi số thích hợp vào ô trống được 0,25 điểm.
- Sai phép tính nào, trừ điểm phép tính đó.

7. (1 điểm)

- Điền đúng số vào mỗi chỗ chấm được 0,5 điểm.

8. (1 điểm)

- Phép tính: $80 - 50 = 30$ (0,5 điểm)
- Đoạn dây còn lại dài 30 xăng ti mét (0,5 điểm)

9. (1 điểm)

- Sắp xếp đúng thứ tự 5 số đã cho theo thứ tự lớn dần được 0,5 điểm. Sai 1 trong 5 số không cho điểm.
- Viết đúng từ 1-3 số tròn chục đã cho được 0,25 điểm.
Viết đúng từ 4 số tròn chục đã cho được 0,5 điểm

10. (1 điểm)

- Phần a, Mỗi ý điền đúng được 0,25 điểm
- Phần b, Điền đúng 5 hình chữ nhật được 0,5 điểm

Lưu ý khi chấm bài KTĐK môn Toán:

* Bài kiểm tra được giáo viên cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân.

* Yêu cầu giáo viên chấm thực hiện:

- Ghi điểm thành phần vào từng câu, từng bài, (không ghi điểm trừ).
- Ghi rõ đúng (đ), sai (s).
- Ghi rõ lời nhận xét để học sinh hiểu lí do mình bị trừ điểm.
- Chấm đủ điểm thành phần từng câu

Khối chuyên môn thống nhất biểu điểm và thực hiện chấm chung 3 -> 5 bài.